BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Số: 176/TB-ĐHKT-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2021

THÔNG BÁO

Tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2021

(Thông báo số 1)

Căn cứ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường, căn cứ năng lực, nhu cầu đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội thông báo tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2021 như sau:

1. Các ngành/chuyên ngành, chỉ tiêu, tổ hợp môn thi/xét tuyển và văn bằng tốt nghiệp

Các ngành/chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành), chỉ tiêu, tổ hợp môn thi/xét tuyển và văn bằng tốt nghiệp được thể hiện trong bảng kèm theo.

Chỉ tiêu tuyển sinh được xác định theo ngành hoặc theo nhóm ngành.

Đối với thí sinh đăng ký các ngành/nhóm ngành có nhiều hơn 01 tổ hợp xét tuyển thì các tổ hợp xét tuyển được xét bình đẳng khi xác định điểm trúng tuyển. Do đó, thí sinh chỉ đăng ký **một** tổ hợp môn xét tuyển có kết quả điểm thi cao nhất.

Ngay sau khi thí sinh xác nhận nhập học, Hội đồng Tuyển sinh Trường sẽ tổ chức phân ngành học cho các thí sinh trúng tuyển vào nhóm ngành dựa trên các điều kiện sau: Điểm xét tuyển của thí sinh; nguyện vọng ngành học của thí sinh; chỉ tiêu tuyển sinh của ngành hoặc theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Tuyển sinh Trường.

2. Phương thức tuyển sinh

- Với các ngành năng khiếu (có mã xét tuyển KTA01, KTA02, KTA03, 7210403, 7210404), Nhà trường sử dụng hình thức thi tuyển kết hợp với xét tuyển như sau: Kết hợp thi tuyển bằng các môn thi năng khiếu (Vẽ mỹ thuật, Hình họa mỹ thuật, Bố cục trang trí màu) với kết quả điểm thi một số môn văn hoá (Toán, Vật lý và Ngữ văn) của thí sinh trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (có bảo lưu điểm thi THPT quốc gia năm 2019 và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2020).

- Với nhóm ngành KTA04 và các ngành còn lại, Nhà trường tổ chức tuyển sinh bằng hình thức xét tuyển dựa vào điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (có bảo lưu điểm thi THPT quốc gia năm 2019 và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2020) hoặc xét tuyển bằng kết quả học tập của 05 học kỳ đầu tiên bậc THPT của thí sinh.

Nhà trường có sử dụng kết quả miễn thi bài thi Anh Văn để xét tuyển.

- Thí sinh trúng tuyển các ngành Kiến trúc, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, nếu có nguyện vọng và đáp ứng được các điều kiện về điểm xét tuyển, trình độ ngoại ngữ theo quy định của Nhà trường sẽ được tham gia xét tuyển vào các lớp K+ (ngành Kiến trúc) hoặc X+ (ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp).

3. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

Nhà trường thực hiện chính sách ưu tiên trong tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh trình độ đại học năm 2021 của Bộ GDĐT và chính sách ưu tiên của Nhà trường.

Ngoài ra, Nhà trường cũng thực hiện chế độ khuyến khích trong tuyển sinh đối với các thí sinh đăng ký nguyện vọng và trúng tuyển vào nhóm ngành KTA04 và/hoặc các ngành Xây dựng công trình ngầm đô thị, Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng. Cụ thể như sau:

- Miễn phí một học kỳ cho 25% số thí sinh đăng ký sớm;

- Cam kết 50% số sinh viên có thành tích học tập tốt nhất được đảm bảo việc làm sau khi tốt nghiệp;

Nhà trường cũng sẽ tặng 23 suất học bổng cho 23 thí sinh có điểm xét tuyển cao nhất ở mỗi ngành.

4. Một số thông tin khác

- Công tác tổ chức thi/xét tuyển được thực hiện theo quy chế tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2021 của Bộ GDĐT và của Nhà trường, sẽ được cụ thể hóa trong các thông báo tuyển sinh tiếp theo.

- Thông tin chính thức về tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2021 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội được đăng trên website của Nhà trường tại địa chỉ **http://tuyensinh.hau.edu.vn** và trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ **http://thituyensinh.vn**. Nhà trường không chịu trách nhiệm về thông tin liên quan đến tuyển sinh ở các nguồn khác.

*** Thông tin chi tiết xin liên hệ:**
Phòng Đào tạo - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
Địa chỉ: Km 10, đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: 024 3 854 2391; 093 618 8538
Email: tuyensinh@hau.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Bộ GDĐT *(để báo cáo);*
- Bộ Xây dựng *(để báo cáo);*
- Ban Giám hiệu *(để biết);*
- Các đơn vị trong Trường *(để thực hiện);*
- Tổ TT *(để đăng website);*
- Lưu VT, ĐT.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

PGS.TS.KTS. Lê Quân

PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2021
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

(Kèm theo Thông báo số 176/TB-ĐHKT-ĐT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

TT	Mã xét tuyển	Nhóm ngành/Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển	Văn bằng tốt nghiệp
1		***Nhóm ngành 1*** *(xét tuyển theo nhóm ngành)*				
1.1	KTA01	Kiến trúc	7580101	**500**	**V00:** Toán, Vật lý, Vẽ mỹ thuật *(Điểm Vẽ mỹ thuật nhân hệ số 2,0)*	Kiến trúc sư
1.2		Quy hoạch vùng và đô thị	7580105			
1.3		Quy hoạch vùng và đô thị *(Chuyên ngành Thiết kế đô thị)*	7580105_1			
2		***Nhóm ngành 2*** *(xét tuyển theo nhóm ngành)*				
2.1	KTA02	Kiến trúc cảnh quan	7580102	**100**	**V00:** Toán, Vật lý, Vẽ mỹ thuật *(Điểm Vẽ mỹ thuật nhân hệ số 2,0)*	Kiến trúc sư
2.2		Chương trình tiên tiến ngành Kiến trúc	7580101_1			
3		***Nhóm ngành 3*** *(xét tuyển theo nhóm ngành)*				
3.1	KTA03	Thiết kế nội thất	7580108	**250**	**H00:** Ngữ văn, Hình họa mỹ thuật, Bố cục trang trí màu	Cử nhân
3.2		Điêu khắc	7210105			
4		***Nhóm ngành 4*** *(xét tuyển theo nhóm ngành)*				
4.1	KTA04	Kỹ thuật cấp thoát nước	7580213	**150**	**A00:** Toán, Vật lý, Hóa học **A01:** Toán, Vật lý, Anh văn **D01:** Toán, Ngữ văn, Anh văn **D07:** Toán, Hoá học, Anh văn *(70% chỉ tiêu của tất cả các ngành trong Nhóm ngành 4 được xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT)*	Kỹ sư
4.2		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng *(Chuyên ngành Kỹ thuật hạ tầng đô thị)*	7580210			
4.3		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng *(Chuyên ngành Kỹ thuật môi trường đô thị)*	7580210_1			
4.4		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng *(Chuyên ngành Công nghệ cơ điện công trình)*	7580210_2			
4.5		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205			
		Các ngành *(xét tuyển theo đơn ngành)*				
5	7210403	Thiết kế đồ họa	7210403	**150**	**H00:** Ngữ văn, Hình họa mỹ thuật, Bố cục trang trí màu	Cử nhân
6	7210404	Thiết kế thời trang	7210404	**80**		
7	7580201	Kỹ thuật xây dựng *(Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp)*	7580201	**200**	**A00:** Toán, Vật lý, Hóa học **A01:** Toán, Vật lý, Anh văn **D01:** Toán, Ngữ văn, Anh văn **D07:** Toán, Hoá học, Anh văn *(50% chỉ tiêu của chuyên ngành Xây dựng công trình ngầm đô thị, Quản lý dự án xây dựng và ngành Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng được xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT)*	Kỹ sư
8	7580201_1	Kỹ thuật xây dựng *(Chuyên ngành Xây dựng công trình ngầm đô thị)*	7580201_1	**50**		
9	7580201_2	Kỹ thuật xây dựng *(Chuyên ngành Quản lý dự án xây dựng)*	7580201_2	**50**		
10	7510105	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	7510105	**50**		
11	7580302	Quản lý xây dựng	7580302	**150**	**A00:** Toán, Vật lý, Hóa học **A01:** Toán, Vật lý, Anh văn **C01:** Toán, Ngữ văn, Vật lý **D01:** Toán, Ngữ văn, Anh văn	Kỹ sư
12	7580302_1	Quản lý xây dựng *(Chuyên ngành Quản lý bất động sản)*	7580302_1	**50**		
13	7580301	Kinh tế Xây dựng	7580301	**150**		
14	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	**200**	**A00:** Toán, Vật lý, Hóa học **A01:** Toán, Vật lý, Anh văn **D01:** Toán, Ngữ văn, Anh văn **D07:** Toán, Hoá học, Anh văn	Kỹ sư
15	7480201_1	Công nghệ thông tin *(Chuyên ngành Công nghệ đa phương tiện)*	7480201_1	**50**		
			Tổng	**2180**		